

Bản án số: 56/2021/HS-ST  
Ngày: 29/11/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Huy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ly

2. Bà Phan Thị Nga

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Đặng Văn N, sinh năm 1983; nơi sinh: huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp L.H, thị trấn C. M, huyện C.M, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1954; Bị cáo có vợ là Lê Thị L, sinh năm 1992; có 01 con, lớn sinh năm 2019;

Nhân thân: Ngày 21/02/2005, bị Tòa án nhân dân huyện C.M xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, chấp hành xong ngày 27/4/2006. Ngày 16/4/2009, bị Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục về hành vi “xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân, gây rối trật tự công cộng”, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 21/02/2011.

Tiền án:

+ Ngày 27/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C.M xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 15/3/2013; chưa nộp khoản tiền sung quỹ Nhà Nước.

+ Ngày 13/5/2016, bị Tòa án nhân dân huyện C.M xử phạt 02 năm 06

tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, chấp hành xong ngày 02/4/2018; chưa nộp khoản tiền sung quỹ Nhà nước và án phí dân sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2021 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

- Chị Nguyễn Thị Trúc P, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Tân Hội, xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, (Vắng mặt).

- Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp Thị I, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đoàn Văn V; sinh năm 1962; địa chỉ: số 794, đường An Dương Vương, phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

- Bà Trương Thị L.A, sinh năm 1983; địa chỉ: số 794, đường An Dương Vương, phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1954; địa chỉ: ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Đăng H, sinh năm 1997; địa chỉ: ấp Long Hòa, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

- Ông Phạm Thanh H1, sinh năm 1961; địa chỉ: khu phố 8, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, (Vắng mặt).

- Ông Đặng Thành S1, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp Thị I, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

*Người làm chứng:*

- Chị Nguyễn Thị T.L, (Vắng mặt).

- Anh Lâm K.A, (Vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Th, (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do bản thân không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Đặng Văn N rủ Nguyễn Đăng H (cháu của N) lấy trộm xe mô tô của người khác, H đồng ý. Để thực hiện, H chuẩn bị cây vít có đầu đẹp làm công cụ để bẻ khóa xe mô tô, N mượn xe đạp của bà Nguyễn Thị D (mẹ N) làm phương tiện chở Hải

tìm xe mô tô lấy trộm. N và H đã thực hiện 02 vụ trộm cắp, lấy được 02 xe mô tô trên địa bàn thị trấn C.M, huyện Chợ Mới, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 29/4/2019, N chở H đến Trung tâm y tế huyện C.M, thấy xe mô tô biển số 66B1-150.87 của Nguyễn Thị Trúc P dựng trước cửa phòng cấp cứu, không người trông giữ, N cảnh giới cho H dùng đoạn bê khóa lấy trộm xe mô tô, rồi chở N đến tiệm cầm đồ “Hàng Viễn” tại số 794 đường A, phường Y, Quận X, thành phố H.C.M, do Đoàn Văn V làm chủ, H cầm xe 12.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

- Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 15/5/2019, N chở H đến quán trà sữa “Vi Vi” thuộc ấp T, thị trấn C.M, thấy xe mô tô biển số 68P1-137.45 của Lý Thị Đ dựng trước quán, không người trông giữ, N đứng cảnh giới cho H bê khóa lấy trộm xe mô tô rồi chở N đến tiệm cầm đồ “L.A” tại số 762 đường A, phường Y, quận X, thành phố H.C.M, do Trương Thị L.A làm chủ, H cầm xe 7.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Các bị hại sau khi phát hiện xe bị mất trộm, đến cơ quan Công an trình báo.

Quá trình điều tra thu giữ các vật chứng: 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 66B1-150.87; 01 xe mô tô và giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 68P1-137.45; 01 xe đạp nữ loại mini màu trắng bạc có ba ga và vỏ xe trước bằng kim loại màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài và 01 quần jean dài màu xanh của Nguyễn Đăng H, đã được xử lý theo bản án hình sự số 30 ngày 07/10/2019 xét xử đối với H; Hiện còn tạm giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 351557429 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 25/8/1999, bản gốc mang tên Đặng Văn N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 19/6/2019 và số 31/KL-HĐĐG ngày 20/6/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C.M, xác định: 01 xe mô tô biển số 68P1-137.45, nhãn hiệu YAMAHA, giá trị sử dụng còn lại 75%, trị giá 16.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 66B1-150.87, nhãn hiệu HONDA, giá trị sử dụng còn lại 75%, trị giá 25.125.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 02 xe mô tô là 41.625.000 đồng.

Đối với H bị khởi tố, xét xử theo Bản án số 30/2019/HS-ST ngày 07/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.M (được gọi tắt là Bản án số 30), án đã phát sinh hiệu lực pháp luật; N bỏ trốn đến tỉnh Đ.N, đến ngày 03/10/2021 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cáo trạng số 71/CT-VKSCM ngày 28/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M đã truy tố bị cáo Đặng Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã cùng H thực hiện hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố; bị cáo khai do cần tiền tiêu xài, bị cáo và H đã thực hiện trót lọt 02 vụ trộm cắp, lấy được 02 xe mô tô biển số 68P1-137.45, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius và xe mô tô biển số 66B1-150.87, nhãn

hiệu Honda, loại Future của các bị hại; các bị cáo đem xe trộm cắp được đến các tiệm cầm đồ “H.V” và “L.A” tại Quận X, Thành phố H.C.M cầm lấy tiền chia nhau tiêu xài; bị cáo bỏ trốn đến ngày 03/10/2021 bị bắt theo quyết định truy nã. Trong vụ án này, bị cáo xác định bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Nguyễn Đăng H, ngoài ra không còn ai khác tham gia.

- Các bị hại Nguyễn Thị Trúc P, Lý Thị Đ vắng mặt nhưng có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo và Nguyễn Đăng H; về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn V, Trương Thị L.A vắng mặt nhưng có lời khai phù hợp với lời khai bị cáo, lời khai của H; về trách nhiệm dân sự đã được xem xét tại Bản án số 30, án đã phát sinh hiệu lực pháp luật, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C.M thực hành công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất vụ án, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội của bị cáo tác động đến xã hội, phân tích các tình tiết định tội, định khung hình phạt, đối với bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu Luận tội giữ nguyên quyết định Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự, áp dụng điểm g khoản 2 điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn Ngà phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn Ngà từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo và Hải phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào khác. Yêu cầu của ông V, bà L.A được giải quyết tại Bản án số 30, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trong vụ án này, không đặt ra xem xét.

Về hình phạt bổ sung, hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351557429 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 25/8/1999 cho bị cáo; giấy chứng minh nhân dân đã hết thời hạn sử dụng, không còn giá trị, bị cáo xác định đã được cấp đổi CMND mới vào năm 2006, không yêu cầu nhận lại cần tịch thu tiêu hủy.

Sau khi nghe quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo không tranh luận, xác định Cáo trạng truy tố đúng tội, không oan, nói lời sau cùng bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, không khiếu nại các chứng cứ được thu thập. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Trúc P, Lý Thị Đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn V, Trương Thị L.A, Nguyễn Thị D1, Nguyễn Đăng H, Phạm Thanh H1, Đặng Thành S1, những người làm chứng Nguyễn Thị Trúc L, Lâm K.A, Huỳnh Thị Th, đều vắng mặt không rõ lý do. Đối với những người này, đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo đúng quy định; đã được cơ quan điều tra thu thập lời khai chi tiết, toàn diện, đánh giá sự vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp lời khai của Nguyễn Đăng H (cùng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội), các bị hại Nguyễn Thị Trúc P, Lý Thị Đ, người có quyền lợi liên quan Đoàn Văn V, Trương Thị L.A, Nguyễn Thị D1 và những người làm chứng Nguyễn Thị T.L, Lâm K.A về toàn bộ diễn biến về thời gian, địa điểm xảy ra hành vi phạm tội, các tình tiết khác của vụ án; phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường được lập vào ngày 24/6/2019; phù hợp tang vật thu giữ. Ngoài ra, còn phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ.

Đã đủ căn cứ xác định, do không có nghề nghiệp, cần tiền tiêu xài, bị cáo rủ Nguyễn Đăng H (cháu ruột bị cáo) thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô của người khác, H đồng ý; để thực hiện H chuẩn bị cây vít có đầu dẹp làm công cụ bẻ khóa xe mô tô, các bị cáo sử dụng xe đạp mượn của bà D (mẹ bị cáo) làm phương tiện chạy tìm xe mô tô lấy trộm. Với cách thức, thủ đoạn khi phát hiện xe mô tô không người trông giữ, bị cáo là người đứng canh giới để H tiếp cận dùng công cụ đã chuẩn bị sẵn bẻ khóa xe; bị cáo và H đã thực hiện trót lọt 02 vụ trộm cắp, cụ thể: vào khoảng 02 giờ ngày 29/4/2019, lấy được 01 xe mô tô biển số 66B1-150.87 dựng trước cửa phòng cấp cứu Trung tâm y tế huyện C.M, H chở bị cáo đến tiệm cầm đồ “H.V” tại đường A, phường Y, Quận X, thành phố H.C.M, cầm xe với số tiền 12.000.000 đồng. Không dừng lại ở đó, đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 15/5/2019, bị cáo chở H đến quán trà sữa “Vi Vi” thuộc địa bàn ấp T, thị trấn C.M, với cách thức, thủ đoạn nêu trên các bị cáo lấy trộm xe mô tô biển số 68P1-137.45 đang dựng phía trước quán, H chở bị cáo đến tiệm

cầm đồ “L.A” tại đường A, phường Y, Quận X, thành phố H.C.M, H cầm xe với số tiền 7.000.000 đồng; Sau khi có tiền, các bị cáo chia nhau tiêu xài hết.

Tại các Kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐG ngày 19/6/2019 và 31/KL-HĐĐG ngày 20/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C.M, xác định, 01 xe mô tô biển số 68P1-137.45, nhãn hiệu YAMAHA, giá trị sử dụng còn lại 75%, trị giá 16.500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 66B1-150.87, nhãn hiệu HONDA, giá trị sử dụng còn lại 75%, trị giá 25.125.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 02 xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt là 41.625.000 đồng.

Bị cáo có các tiền án, cụ thể: ngày 27/6/2012, bị Tòa án nhân dân huyện C.M xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 15/3/2013 đến ngày 13/5/2016 tiếp tục bị Tòa án nhân dân huyện C.M xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm”, chấp hành xong ngày 02/4/2018, chưa được xóa án tích thì đến ngày 29/4 và 15/5/2019, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý thuộc tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm”.

Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố đối với bị cáo Đặng Văn N về tội danh, điểm, khoản, Điều luật viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Bị cáo Đặng Văn N là người trưởng thành, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mình thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng bất chấp, cố ý thực hiện với ý thức mong muốn hậu quả xảy ra. Với bản tính tha hóa, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ ra công sức lao động, bị cáo rủ H (là cháu ruột) cùng thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô với cách thức, thủ đoạn lợi dụng đêm khuya, sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, các bị cáo tìm tài sản lấy trộm, khi phát hiện xe mô tô không người trông giữ, bị cáo cảnh giới, Hải nhanh chóng tiếp cận dùng công cụ đã chuẩn bị sẵn bẻ lấy xe của các bị hại; sau khi lấy trộm được tài sản, sợ tiêu thụ tại địa phương sẽ bị phát giác, bị cáo và H đem tài sản lấy trộm đến TP. Hồ Chí Minh cầm cho các tiệm cầm đồ tại Quận X, Thành phố H.C.M nhằm tránh sự phát hiện của các chủ sở hữu và cơ quan chức năng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, gây lo sợ, bất an trong nhân dân trước tình hình các tội phạm xâm phạm về quyền sở hữu, mà cụ thể là trộm cắp tài sản diễn ra ngày càng táo bạo, liều lĩnh như hiện nay.

Vụ án có yếu tố đồng phạm nhưng thể hiện tính giản đơn, các bị cáo chỉ nảy sinh ý định và thực hiện hành vi tự phát, không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò lẫn nhau; trong vụ án này, bị cáo với tư cách là người Cáo rử H để cùng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của H đã được đưa ra xét xử, xem xét cá thể hóa vai trò được quyết định tại bản án đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Đánh giá bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, bị kết án chưa được xóa án tích; tuy đã được xem xét là yếu tố định khung hình phạt, nhưng lần phạm tội này thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Mặt khác, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn, gây trở ngại, khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, ảnh hưởng cho quá trình giải quyết dứt điểm vụ án là tình tiết xem xét khi ấn định mức hình phạt đối với bị cáo.

Với những nhận định, đánh giá trên, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà bị cáo đã gây ra khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt khi tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời có tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Chỉ trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của các bị hại, các lần phạm tội đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự thuộc tình tiết tăng nặng “phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện được sự ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc là căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Tuy bản thân bị cáo có học vấn thấp nhưng lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, thể hiện bị cáo có ý thức xem thường pháp luật; Do đó, không được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về đánh giá hành vi khác có liên quan:

- Đối với hành vi bà Nguyễn Thị D không biết bị cáo mượn xe đạp để làm phương tiện sử dụng vào việc thực hiện tội phạm; hành vi ông Viễn, bà L.A không biết H đem cầm 02 xe mô tô do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

- Đối với hành vi, H cùng bị cáo thực hiện hành trộm cắp tài sản, đã được Tòa án nhân dân huyện C.M xét xử tại Bản án số 30, nên không đề cập giải quyết trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự, được xử lý tại Bản án số 30, án đã phát sinh hiệu lực pháp luật; nếu có phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường giữa bị cáo và Hải sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác nên không đặt ra xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không nghề nghiệp cụ thể, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Các vật chứng là công cụ, phương tiện được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đã được xử lý tại Bản án số 30 của Tòa án nhân dân huyện C.M, không đề cập

- Đối với giấy chứng minh nhân dân số 351557429 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 25/8/1999, tạm giữ của bị cáo đã hết thời hạn sử dụng, không còn giá trị, bị cáo đã được cấp đổi giấy chứng minh nhân dân khác, không yêu cầu nhận lại, tịch thu tiêu hủy.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[10] Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.*

1. Về tội danh và hình phạt áp dụng:

Tuyên bố bị cáo Đặng Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn N 03 năm 3 tháng tù (Ba năm ba tháng). Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/10/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: đã được xem xét giải quyết tại Bản án số 30, án đã phát sinh hiệu lực pháp luật; nếu có phát sinh tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường giữa bị cáo và H sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về xử lý vật chứng: *Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;*

Tịch thu tiêu hủy, 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351557429 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 25/8/1999 mang tên Đặng Văn Ngà (bản gốc).

Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới tạm quản lý. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Mới và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới ngày 26 tháng 11 năm 2021).*



5. Về án phí: *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND H. Chợ Mới;
- Nhà Tạm giữ - Công an H. Chợ Mới;
- CQTHAHS - Công an H. Chợ Mới;
- CQĐT - Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- BP Thi hành án - Tòa án;
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- Lưu: HSVA; Văn phòng TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Huy Phong**